

Trong các thế kỷ qua, quá trình học ngoại ngữ luôn diễn ra trong cuộc sống con người nhằm thúc đẩy việc lĩnh hội kiến thức và giao tiếp. Do đó, các nhà khoa học giáo dục đã dành nhiều quan tâm nghiên cứu về phương pháp giảng dạy ngôn ngữ và không ngừng tích hợp các thành tựu của ngôn ngữ học, tâm lý học và sư phạm học để kiến tạo toàn hệ thống phương pháp và đưa ra các giải pháp ngày càng tối ưu cho các tình huống giảng dạy.

CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI

Thượng úy, CN. ĐINH NGỌC HẠNH *

Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ ở đây có thể được coi là nền tảng, định hướng cho quá trình giảng dạy. Nó là mô hình tổng hợp hoá quá trình dạy học dựa trên một trong các hướng tiếp cận nhất định, điển hình cho các phương hướng cụ thể, bao gồm việc lựa chọn và sử dụng tài liệu giảng dạy, lựa chọn thủ pháp giảng dạy và phương thức tương tác giữa giáo viên và học viên.

Các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ chính, từ truyền thống đến hiện đại bao gồm:

1. Phương pháp dịch ngữ pháp (The Grammar - Translation Method)

Phương pháp dịch ngữ pháp được coi là phương pháp cổ điển trong giảng dạy ngoại ngữ. Phương pháp này phổ biến rộng rãi ở Châu Âu vào thế kỷ 19, chủ yếu để dạy tiếng La tinh và Hy Lạp, sau này được ứng dụng để dạy ngoại ngữ.

Đối với phương pháp này, mục tiêu chính của việc học ngoại ngữ không phải để nói và giao tiếp mà là để đọc được tài liệu viết bằng ngôn ngữ đó. Trọng tâm của phương pháp là các yếu tố ngữ pháp của ngôn ngữ và việc sử dụng dịch thuật làm phương tiện để hiểu ngôn ngữ. Theo Prator & Celce - Murcia (1979:3), phương pháp dịch ngữ pháp có các đặc tính:



Hội thảo quốc tế về phương pháp giảng dạy tiếng Anh lần thứ 4 tại Tp.HCM năm 2013

- Các lớp học được giảng dạy bằng tiếng mẹ đẻ;
- Nhiều từ vựng được dạy theo hình thức danh sách các từ riêng lẻ;
- Ngữ pháp được giảng dạy tỉ mỉ với các cách giải thích phức tạp; theo phương pháp diễn dịch và mang tính hệ thống, có so sánh với tiếng mẹ đẻ;
- Các thành phần ngữ pháp được cung cấp dưới dạng các cấu trúc, quy tắc;
- Yêu cầu học viên đọc các văn bản cổ điển;
- Học viên được khuyến khích sử dụng từ điển song ngữ, tập trung vào phân tích câu

* Cán bộ Phòng QLNCKH - Trường T39

trong văn bản và làm các bài tập dịch xuôi, dịch ngược.

- Việc thi cử cũng lấy dịch làm trọng tâm.

Ưu điểm của phương pháp này là học viên có thể đọc các văn bản nguyên tác, nắm chắc các quy tắc ngữ pháp nhưng gặp nhiều hạn chế trong giao tiếp.

2. Phương pháp trực tiếp (The Direct Method)

Phương pháp trực tiếp được biết đến từ năm 1884 khi nhà tâm lý học người Đức F. Frankle viết về mối quan hệ trực tiếp giữa các dạng thức và ý nghĩa của ngoại ngữ. Phương pháp này cũng dựa trên nghiên cứu của Gouin những năm 1880, khi ông quan sát việc trẻ em học ngôn ngữ trong môi trường tự nhiên.

Nền tảng của phương pháp trực tiếp là người học ngôn ngữ thứ hai nên nỗ lực học theo cách một đứa trẻ học tiếng mẹ đẻ. Phương pháp này nhấn mạnh sự tương tác bằng lời, sử dụng ngôn ngữ một cách tự phát, không dịch giữa ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai, ít hoặc không có phân tích các quy tắc ngữ pháp.

Richards và Rodgers tóm tắt các nguyên tắc của phương pháp trực tiếp:

- Việc giảng dạy trên lớp được thực hiện hoàn toàn trong ngôn ngữ mục tiêu;
- Trên lớp chỉ giảng dạy từ vựng và mẫu câu giao tiếp hàng ngày;
- Kỹ năng giao tiếp được xây dựng theo một tiến trình phân cấp qua việc trao đổi hỏi – đáp giữa giáo viên và học sinh;
- Ngữ pháp được dạy theo hướng quy nạp;
- Kiến thức mới được giảng dạy thông qua mô hình và thực hành;
- Từ vựng cụ thể được giảng dạy thông qua mô tả, đồ vật, hình ảnh; từ vựng trừu tượng được giảng dạy thông qua liên kết ý tưởng;
- Giảng dạy cả kỹ năng nói, nghe hiểu;
- Chú trọng cả ngữ pháp và phát âm chuẩn.

Ưu điểm chính của phương pháp này là học viên có nhiều điều kiện tiếp xúc bằng ngoại ngữ. Đồng thời, họ cũng có thể ứng dụng được ngôn ngữ đã học vào các giao tiếp thực tế. Tuy nhiên, phương pháp này đòi hỏi thời gian giảng dạy kéo dài, lớp học nhỏ và các nơi đào tạo thường gặp khó khăn trong tuyển mộ giáo viên.

3. Phương pháp nghe khẩu ngữ (The Audio-lingual Methods)

Trong những năm 1940, phương pháp nghe khẩu ngữ bắt đầu hình thành, dựa trên những đặc điểm của ngôn ngữ học cấu trúc và tâm lý học hành vi, và nhanh chóng chiếm ưu thế ở Mỹ khi nhu cầu học ngoại ngữ nhanh đặt ra đối với các lính chiến Mỹ.

Phương pháp nghe khẩu ngữ nhấn mạnh việc ghi nhớ các câu hội thoại và học thuộc lòng cấu trúc ngôn ngữ. Phương pháp này dựa trên cơ sở cho rằng ngôn ngữ là để nói chứ không phải viết và ngôn ngữ là một tập hợp những thói quen. Người ta tin rằng thực hành thật nhiều hội thoại sẽ có thể phát triển khả năng ngôn ngữ.

Theo Prator & Celce - Murcia, các đặc điểm của phương pháp nghe khẩu ngữ:

- Kiến thức mới được trình bày theo hình thức đối thoại;
 - Phụ thuộc vào việc bắt chước, ghi nhớ các cụm từ;
 - Cấu trúc được giảng dạy qua các bài tập lặp đi lặp lại;
 - Có rất ít hoặc không có giải thích về ngữ pháp. Ngữ pháp được dạy bằng cách quy nạp chứ không bằng lời giải thích suy diễn;
 - Từ vựng bị hạn chế và chỉ học trong bối cảnh;
 - Chú trọng phát âm;
 - Thường xuyên sử dụng băng đĩa, phòng lab, giáo cụ trực quan;
 - Rất ít sử dụng tiếng mẹ đẻ.
- Phương pháp này giúp học viên phát âm tốt, phát triển kỹ năng nghe nói nhưng lại không

chú trọng ngữ pháp và khiến người học thụ động, học vẹt.

4. Phương pháp tình huống (The Oral-Situational Approach)

Bản thân phương pháp này có nhiều yếu tố giống phương pháp trực tiếp nhưng có thêm các yếu tố của giáo dục ngôn ngữ. Với phương pháp này, ngôn ngữ giao tiếp bằng lời được chú trọng nhất. Các kĩ năng đọc và viết chỉ được tiến hành sau khi giải quyết xong các vấn đề từ vựng, ngữ pháp bằng lời. Về ngữ pháp, học viên chủ yếu học các cấu trúc phổ biến trong giao tiếp hàng ngày. Mục tiêu học ngoại ngữ là hình thành khả năng giao tiếp trong ngữ cảnh thực tế như ở bưu điện, ở nhà ga, ở hiệu thuốc v.v. với các loại hình bài tập luyện như sử dụng trong phương pháp nghe khẩu ngữ.

Phương pháp này có ưu điểm là có tác dụng nhanh chóng đến người học, giúp họ có khả năng giao tiếp ngay sau buổi học đầu tiên. Tuy nhiên, đây vẫn chỉ là sự đề cao thái quá với ngôn ngữ khẩu ngữ, chú trọng quá nhiều vào cấu trúc nổi, học viên học ngoại ngữ theo kiểu bắt chước và học thuộc lòng.

5. Phương pháp phản ứng hành động (Total Physical Response - TPR)

Phương pháp phản ứng hành động được phát triển bởi nhà tâm lý học James Asher (1974). Phương pháp này dựa trên nguyên tắc học viên sẽ học tốt hơn nếu họ có thể gắn kết hoạt động tinh thần và thể chất. Trong TPR, học viên được yêu cầu thực hiện hành động theo mệnh lệnh của giáo viên. Khi học viên đã thực hiện nhiều lần hành động, họ sẽ nhớ được và bắt đầu ra mệnh lệnh hành động. Ví dụ như giáo viên sẽ ra mệnh lệnh: "Stand up!", học viên sẽ phản ứng bằng cách đứng lên. Sau đó, học viên có thể dùng mệnh lệnh này đã thực hành với các học viên khác. Khi học viên đã hiểu và có thể ra mệnh lệnh, giáo viên sẽ giới thiệu tiếp kỹ năng đọc và viết của ngôn ngữ. Nhưng trọng điểm của TPR vẫn là nghe hiểu.

TPR là một phương pháp hay để tất cả học viên trong lớp học có thể tham gia bài học, đáp ứng yêu cầu của giáo viên và thực hành nói, do đó kích lệ học viên trong quá trình học ngoại ngữ. Hơn nữa, dựa trên phản ứng của học viên trong TPR, giáo viên có thể xác định được học viên có hiểu bài hay không.

Phương pháp này tỏ ra đặc biệt hiệu quả đối với trình độ sơ cấp, khá phù hợp với trẻ em học tiếng nhưng có nhiều hạn chế với trình độ nâng cao, và nhiều phiền toái cho học viên lớn tuổi. Một mặt, phương pháp này tạo ra sự an toàn tinh thần cho học viên "chưa cần nói khi chưa sẵn sàng" thì nó vẫn là phương pháp học thụ động, chưa khuyến khích phát triển ngữ năng giao tiếp ở mức độ tự nhiên và cũng khá cứng nhắc bởi trật tự tiến hành kĩ năng nghe trước, nói sau trong học ngoại ngữ.

6. Phương pháp giao tiếp (The Communicative Approach)

Phương pháp giao tiếp là phương pháp đang phổ biến trong giáo dục ngôn ngữ hiện nay. Nó được phát triển dựa trên quan điểm của nhà ngôn ngữ học nhân chủng Hymes (1972) và Halliday (1973), cho rằng ngôn ngữ có chức năng chủ yếu là chức năng giao tiếp. Do đó, việc giảng dạy và học tập ngôn ngữ phải hướng đến mục đích là đạt cầu: trôi chảy (fluency), chính xác (accuracy), và phù hợp (appropriacy)

Khi áp dụng phương pháp này, học viên đóng vai trò trung tâm trong quá trình dạy và học. Giáo viên sử dụng các ngữ liệu có từ thực tế, xây dựng bài giảng dựa trên phân tích nhu cầu và đặc điểm của học viên. Các hoạt động trên lớp đều gắn với việc sử dụng ngôn ngữ, mục tiêu qua đó giúp học viên nắm được ngôn ngữ và các chiến lược giao tiếp. Để thực hiện điều này, giáo viên khai thác tối đa các hoạt động theo cặp, nhóm, trình bày vấn đề, giúp học viên phát huy tính tích cực trong học tập. Học ngôn ngữ trở thành quá trình tìm tòi,

sáng tạo và không ngại mắc lỗi của học viên. Trong lớp học, giáo viên trở thành người tổ chức, người điều hành, quản lí, người tư vấn.

Phương pháp này có ưu điểm lớn vì phát huy được vai trò tích cực của học viên. Họ được chủ động học những gì mình muốn. Phương pháp này chú trọng đến việc sử dụng ngoại ngữ của học viên, khả năng trình bày vấn đề lưu loát và chấp nhận khác biệt ngữ âm. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có nhược điểm nhất định, vì chú trọng đến tính lưu loát nên thường không quan tâm đến lỗi của học viên, do đó có thể làm cho học viên hình thành lỗi mang tính hệ thống.

Có thể thấy không có một phương pháp nào là tối ưu cho tất cả mọi trường hợp. Mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định. Hiện nay, việc học tập và giảng dạy tiếng nước ngoài ở Việt Nam cũng giống như trên thế giới chú trọng mục tiêu giao tiếp. Tuy nhiên, quá trình giảng dạy nên có kết hợp ưu điểm của các phương pháp để hình thành phương pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể.

Giảng dạy tiếng Anh trong các trường Công an nhân dân có những đặc thù nhất định do lớp học đông, trình độ của học viên không

đồng đều, thời lượng môn học ngắn... Do đó, để có thể giảng dạy tiếng Anh hiệu quả, giáo viên nên áp dụng linh hoạt các phương pháp tùy vào nội dung bài học và trình độ của học viên. Giáo viên có thể kết hợp giảng dạy các nguyên tắc ngữ pháp theo cả hướng diễn dịch hoặc quy nạp, vừa chú trọng ngữ pháp vừa hướng đến mục tiêu giao tiếp. Do không có nhiều thời gian nên có thể vận dụng hình thức làm việc theo nhóm, theo cặp, các hoạt động theo phương pháp TPR. Điều quan trọng nhất là cần lưu ý phải lấy học viên làm trung tâm, tạo điều kiện để thời lượng nói tiếng Anh của học viên trên lớp nhiều hơn giáo viên, tài liệu giảng dạy thiết thực, các hoạt động đa dạng, hấp dẫn hướng học viên đến phát triển toàn diện các kỹ năng. Mỗi lớp học sẽ có những đặc điểm riêng, mỗi giáo viên cũng có những ưu điểm và sở trường riêng. Hoạt động giảng dạy trên lớp sẽ vô cùng phong phú và đa dạng, khi giáo viên xem phương pháp giảng dạy là kim chỉ nam cho mọi hoạt động; tuy nhiên, cần có sự lựa chọn, vận dụng phương pháp phù hợp, khoa học để đem lại hiệu quả cao cho việc dạy và học môn tiếng Anh trong các trường Công an nhân dân./.

Tài liệu tham khảo:

Celce-Murcia, M. 1991. Ed.

Teaching English as a Second Language, second edition. Heile & Heile Publishers.

Halliday M.A.K. 1973.

Explorations in the Functions of Language. London: Edward Arnold.

Hymes, D. 1972.

"On communicative competence". In trong J.B. Pride and J. Holmes (eds.) *Sociolinguistics*. Harmondsworth: Penguin.

Richards, J. và Rodgers, T., 1986.

Approaches and Methods in Language Teaching. Cambridge University Press.